

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ
XÂY DỰNG VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng - Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi cổ phần hóa theo các Quyết định số 1307/QĐ-BXD ngày 18 tháng 09 năm 2006; Quyết định số 1631/QĐ-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2006 và Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2007, cấp lại mã số doanh nghiệp số 0100106112, thay đổi lần thứ tư (04) ngày 05 tháng 6 năm 2014.

Các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Công ty:

- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 2
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 3
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 2
- Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Quản lý dự án và Giám sát xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế nước và Hạ tầng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế cấp thoát nước
- Trung tâm Tư vấn kinh tế xây dựng

Trụ sở chính của Công ty: Nhà CIC-CDC, số 37 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Bình Trọng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 18/4/2017)
	Ông Lê Văn Chấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 17/4/2017)
	Ông Phạm Như Huy	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đình Thi	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2017)
	Bà Võ Thanh Hà	Ủy viên
	Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2017)
	Ông Lý Xuân Trung	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18/4/2017)
	Ông Sử Mạnh Hà	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18/4/2017)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Như Huy	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc (Điều chuyển công tác ngày 30/6/2017)
	Bà Võ Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/11/2017)
	Ông Trần Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lý Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hà Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 17/8/2017)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Như Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Số: 195/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017
của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam, được lập ngày 13/03/2018, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Đinh Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.404.016.872	57.798.998.366
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	35.205.902.467	26.660.782.435
1. Tiền	111		35.205.902.467	26.660.782.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.500.000.000	2.532.951.389
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.500.000.000	2.532.951.389
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.666.446.800	13.732.644.196
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	16.971.235.391	13.130.374.692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		283.667.500	165.700.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.899.137.261	5.000.544.023
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.487.593.352)	(4.563.974.519)
IV. Hàng tồn kho	140		6.855.861.202	13.574.829.375
1. Hàng tồn kho	141	5.5	6.855.861.202	13.574.829.375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.175.806.403	1.297.790.971
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	129.697.035	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	1.046.109.368	1.297.790.971
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.836.257.044	5.620.427.711
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.508.220.403	2.872.345.564
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.508.220.403	2.872.345.564
- Nguyên giá	222		9.781.228.032	9.742.182.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.273.007.629)	(6.869.837.013)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		1.031.587.208	1.031.587.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.031.587.208)	(1.031.587.208)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	375.000.000	375.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		375.000.000	375.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.953.036.641	2.373.082.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2.760.396.641	2.200.442.147
4. Tài sản dài hạn khác	268		192.640.000	172.640.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		66.240.273.916	63.419.426.077

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		45.075.434.042	43.104.490.159
I. Nợ ngắn hạn	310		45.075.434.042	43.104.490.159
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.037.607.483	181.644.543
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	34.622.692.087	34.568.444.280
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	431.806.258	163.364.603
4. Phải trả người lao động	314		1.421.603.627	49.200.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	988.323.113	2.071.618.423
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.659.683.806	4.467.305.775
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.913.717.668	1.602.912.535
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.164.839.874	20.314.935.918
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	21.164.839.874	20.314.935.918
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.800.000.000	8.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.800.000.000	8.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.211.629.498	11.137.291.851
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		132.232.228	132.232.228
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.978.148	245.411.839
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.978.148	18.800.382
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	226.611.457
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66.240.273.916	63.419.426.077
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Trung Hiếu

Đỗ Mạnh Hùng

Phạm Như Huy



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	122.729.138.185	112.404.439.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	122.729.138.185	112.404.439.339
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	92.785.824.153	85.052.264.575
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		29.943.314.032	27.352.174.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	1.174.245.857	950.154.177
7. Chi phí tài chính	22		623.596	6.955.935
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.18	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.18	23.606.320.248	21.892.477.127
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		7.510.616.045	6.402.895.879
11. Thu nhập khác	31		48.431.167	469.909.091
12. Chi phí khác	32		870.068.383	827.724.145
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(821.637.216)	(357.815.054)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		6.688.978.829	6.045.080.825
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.425.118.619	1.203.062.203
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.263.860.210	4.842.018.622
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	2.675	2.928

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Trung Hiếu

Đỗ Mạnh Hùng

Phạm Như Huy



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		6.688.978.829	6.045.080.825
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		403.170.616	336.810.071
- Các khoản dự phòng	03		(76.381.167)	385.597.507
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		623.596	(2.801.362)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(999.222.124)	(1.315.534.633)
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		6.017.169.750	5.449.152.408
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.579.226.613)	592.447.780
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.718.968.173	(517.139.004)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		372.001.452	8.847.915.510
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(689.651.529)	19.157.885
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.298.422.793)	(1.262.434.256)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.598.849.080)	(1.802.332.569)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		7.941.989.360	11.326.767.754
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39.045.455)	(1.533.861.965)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	368.181.818
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.032.951.389	375.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		952.708.903	947.352.815
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		1.946.614.837	156.672.668
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.342.860.569)	(1.164.941.546)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(1.342.860.569)	(1.164.941.546)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50		8.545.743.628	10.318.498.876
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.660.782.435	16.339.482.197
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(623.596)	2.801.362
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70		35.205.902.467	26.660.782.435

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Trung Hiếu

Đỗ Mạnh Hùng

Phạm Như Huy



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty Tư vấn thiết kế Xây dựng - Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi cổ phần hóa theo các Quyết định số 1307/QĐ-BXD ngày 18 tháng 09 năm 2006; Quyết định số 1631/QĐ-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2006 và Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2007, cấp lại mã số doanh nghiệp số 0100106112, thay đổi lần thứ tư (04) ngày 05 tháng 6 năm 2014.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Vốn Nhà nước	448.800	4.488.000.000	51%
Các cổ đông khác	431.200	4.312.000.000	49%
Cộng	880.000	8.800.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Nhà CIC-CDC, Số 37 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2017: 302 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn đầu tư xây dựng (lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, đấu thầu) công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 35KV; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Kiểm định, kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng;
- Thiết kế và thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu;
- Quản lý dự án, giám sát kỹ thuật xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tổng thầu tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu chức năng đô thị và khu công nghiệp;
- Khảo sát địa hình và khảo sát địa chất đo đạc các công trình xây dựng;
- Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và bảo vệ môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: Tư vấn đầu tư xây dựng.

Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty con của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam. Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 là 1.200.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 2
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 3
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 2
- Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Quản lý dự án và Giám sát xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế nước và Hạ tầng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế cấp thoát nước
- Trung tâm Tư vấn kinh tế xây dựng

Công ty có Công ty con là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam, các công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính chất thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	589.629.370	774.253.747
Tiền gửi ngân hàng	34.616.273.097	25.886.528.688
Tổng	35.205.902.467	26.660.782.435

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	2.532.951.389	2.532.951.389
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	2.532.951.389	2.532.951.389
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.500.000.000	1.500.000.000	2.532.951.389	2.532.951.389

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Bộ thông tin và Truyền thông - Cục Viễn Thông	-	1.748.337.993
TK Trung tâm thể thao Phú Thọ	1.284.925.000	1.284.925.000
Phải thu các khách hàng khác	15.686.310.391	10.097.111.699
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	16.971.235.391	13.130.374.692

5.4 Phải thu ngắn hạn khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	2.899.137.261	-	5.000.544.023	-
- Tạm ứng	1.266.323.933	-	2.774.494.824	-
- Phải thu khác	1.632.813.328	-	2.226.049.199	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	2.899.137.261	-	5.000.544.023	-

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.855.861.202	-	13.574.829.375	-
Tổng	6.855.861.202	-	13.574.829.375	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	129.697.035	-
Chi phí khác	129.697.035	-
Dài hạn	2.760.396.641	2.200.442.147
Công cụ dụng cụ	2.760.396.641	2.200.442.147
Tổng	2.890.093.676	2.200.442.147

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	3.546.300.174	2.246.007.616	3.949.874.787	-	9.742.182.577
Tăng trong năm	-	39.045.455	-	-	39.045.455
Mua trong năm	-	39.045.455	-	-	39.045.455
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>3.546.300.174</u>	<u>2.285.053.071</u>	<u>3.949.874.787</u>	<u>-</u>	<u>9.781.228.032</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	2.132.635.705	2.075.869.638	2.661.331.670	-	6.869.837.013
Tăng trong năm	118.210.006	86.723.207	198.237.403	-	403.170.616
Khấu hao trong năm	118.210.006	86.723.207	198.237.403	-	403.170.616
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>2.250.845.711</u>	<u>2.162.592.845</u>	<u>2.859.569.073</u>	<u>-</u>	<u>7.273.007.629</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	<u>1.413.664.469</u>	<u>170.137.978</u>	<u>1.288.543.117</u>	<u>-</u>	<u>2.872.345.564</u>
Tại 31/12/2017	<u>1.295.454.463</u>	<u>122.460.226</u>	<u>1.090.305.714</u>	<u>-</u>	<u>2.508.220.403</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.506.291.495

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Phần mềm khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	898.484.916	133.102.292	1.031.587.208
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>898.484.916</u>	<u>133.102.292</u>	<u>1.031.587.208</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	898.484.916	133.102.292	1.031.587.208
Tăng trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>898.484.916</u>	<u>133.102.292</u>	<u>1.031.587.208</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại 31/12/2017	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	375.000.000	-	-	375.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Lilamaland	375.000.000	(*)	-	375.000.000	(*)	-
Tổng	375.000.000	-	-	375.000.000	-	-

(*): Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được thông tin tài chính, Báo cáo tài chính cũng như các bằng chứng thích hợp khác về giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính các Công ty khác mà Công ty đầu tư.

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm (LIDECO)	-	5.600.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp và Thương mại Hùng Cường	1.500.000.000	2.000.000.000
BQL Dự án cải tạo trụ sở làm việc của Chính phủ và Văn phòng Chính phủ	113.266.000	3.087.128.000
Ứng trước của các khách hàng khác	33.009.426.087	23.881.316.280
Tổng	34.622.692.087	34.568.444.280

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	163.364.603	2.555.610.318	2.287.168.663	431.806.258
Thuế giá trị gia tăng	95.733.006	688.358.288	670.314.398	113.776.896
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.403.926	1.556.048.229	1.298.422.793	318.029.362
Thuế thu nhập cá nhân	7.227.671	138.579.177	145.806.848	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	168.624.624	168.624.624	-
Phải thu	1.297.790.971	1.655.492.950	1.403.811.347	1.046.109.368
Thuế giá trị gia tăng	816.533.965	824.200.438	651.185.558	643.519.085
Thuế thu nhập cá nhân	481.257.006	831.292.512	752.625.789	402.590.283

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	988.323.113	2.071.618.423
Trích trước chi phí công trình	725.774.078	2.001.618.423
Chi phí khác	262.549.035	70.000.000
Tổng	988.323.113	2.071.618.423

5.13 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	2.659.683.806	4.467.305.775
Kinh phí công đoàn	19.279.524	-
Bảo hiểm xã hội	626.816.631	598.375.603
Bảo hiểm thất nghiệp	64.140.908	60.591.937
Cổ tức phải trả	1.504.302.041	1.342.860.569
Phải trả, phải nộp khác	445.144.702	2.465.477.666
- Chi phí phải trả các đơn vị nhận khoán	445.144.702	2.465.477.666
Dài hạn	-	-
Tổng	2.659.683.806	4.467.305.775

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	8.800.000.000	10.130.354.437	462.389.221	18.800.382	19.411.544.040
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.842.018.622	4.842.018.622
Điều chỉnh Biên bản thanh tra thuế	-	-	(179.224.759)	-	(179.224.759)
Giảm điều chỉnh lại phân phối năm 2015 theo ĐHĐCĐ	-	-	(150.932.234)	-	(150.932.234)
Trích lập các quỹ	-	1.006.937.414	-	(3.272.546.596)	(2.265.609.182)
Chia trả cổ tức	-	-	-	(1.342.860.569)	(1.342.860.569)
Số dư tại 31/12/2016	8.800.000.000	11.137.291.851	132.232.228	245.411.839	20.314.935.918
Số dư tại 01/01/2017	8.800.000.000	11.137.291.851	132.232.228	245.411.839	20.314.935.918
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.263.860.210	5.263.860.210
Trích lập các quỹ	-	1.074.337.647	-	(3.983.991.860)	(2.909.654.213)
Chia trả cổ tức	-	-	-	(1.504.302.041)	(1.504.302.041)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	8.800.000.000	12.211.629.498	132.232.228	20.978.148	21.164.839.874

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	4.488.000.000	4.488.000.000
Các cổ đông khác	4.312.000.000	4.312.000.000
Tổng	8.800.000.000	8.800.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	8.800.000.000	8.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	8.800.000.000	8.800.000.000
Cổ tức	1.504.302.041	1.342.860.569
Phân phối quỹ	3.983.991.860	3.272.546.596

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	880.000	880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	880.000	880.000
Cổ phiếu phổ thông	880.000	880.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	880.000	880.000
Cổ phiếu phổ thông	880.000	880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.15 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	340.008.444	480.998.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.389.129.741	111.923.440.664
Tổng	122.729.138.185	112.404.439.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	240.638.835	317.183.925
Giá vốn cung cấp dịch vụ	92.545.185.318	84.735.080.650
Tổng	92.785.824.153	85.052.264.575

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.127.732.636	947.352.815
Lãi chênh lệch tỷ giá	46.513.221	2.801.362
Tổng	1.174.245.857	950.154.177

5.18 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí bán hàng	-	-
Chi phí quản lý	23.606.320.248	21.892.477.127
Chi phí nhân viên quản lý	14.200.574.561	12.632.824.156
Chi phí vật liệu quản lý	606.368.751	434.981.179
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.404.366.930	1.349.733.549
Chi phí khấu hao TSCĐ	330.571.374	225.074.616
Thuế phí và lệ phí	36.579.909	21.271.285
Chi phí dự phòng	(76.381.167)	385.597.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.223.497.081	2.074.246.245
Chi phí bằng tiền khác	4.880.742.809	4.768.748.590
Tổng	23.606.320.248	21.892.477.127

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.425.118.619	1.203.062.203
Tổng	1.425.118.619	1.203.062.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.20 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.509.000.558	17.481.889.503
Chi phí nhân công	51.121.961.609	50.226.567.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.170.616	336.810.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.338.491.999	23.113.744.596
Chi phí khác bằng tiền	14.387.861.081	15.967.067.785
Chi phí dự phòng	(76.381.167)	299.232.526
Tổng	110.684.104.696	107.425.312.101

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.263.860.210	4.842.018.622
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
<i>(Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)</i>	2.909.654.213	2.265.609.182
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.354.205.997	2.576.409.440
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	880.000	880.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.675	2.928

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thành viên HĐQT và Ban điều hành, BKS	Lương và Thù lao	3.172.599.521	3.485.717.082

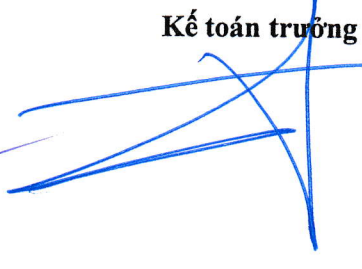
6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2018

Người lập

 Hoàng Trung Hiếu

Kế toán trưởng

 Đỗ Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc

 Phạm Như Huy

